

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 160 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 18 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Cao Bằng
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 2 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số

81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 183/TTr-SKHĐT ngày 23 tháng 01 năm 2025 đề nghị ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

*(Kèm theo Quyết định số 160 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh*).

- Bảo đảm sự thống nhất giữa Quy hoạch tỉnh với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc và các quy hoạch có liên quan.

- Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai các chương trình, dự án gắn với nguồn lực thực hiện nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh; xây dựng các chính sách, giải pháp thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm tính tuân thủ, kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã được phê duyệt; tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương. Bám sát các nội dung đột phá phát triển và nhiệm vụ trọng tâm theo Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

- Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là đột phá, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu, "*lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư*" để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, liên thông tổng thể.

- Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; chống quan liêu, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

- Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan; việc triển khai phải khẩn trương, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai các chương trình, dự án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phù hợp với các quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng Trung du và miền núi Phía Bắc đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch tỉnh

- Rà soát, bãi bỏ các quy hoạch cục bộ trên địa bàn toàn tỉnh và các quy hoạch khác không còn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo Điều 59 Luật Quy hoạch.

(Danh mục các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành trung ương và của tỉnh hết hiệu lực tại Phụ lục I kèm theo)

- Đến hết năm 2025, hoàn thành cơ bản việc rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

- Chủ động nghiên cứu xây dựng các đề án thay thế *(nếu cần thiết)* để đảm bảo duy trì ổn định công tác quản lý nhà nước và định hướng phát triển của tỉnh.

2. Triển khai thực hiện các dự án theo Quy hoạch tỉnh

a) Dự án ưu tiên và phân kỳ đầu tư *(Danh mục tại Phụ lục II kèm theo)*

- Nguyên tắc xác định các dự án đầu tư công:

+ Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản của cấp có thẩm quyền về đầu tư công.

+ Ưu tiên các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, công nghiệp, logistics, đồng bộ, tạo sức lan tỏa lớn, trong đó có tính đến yếu tố liên kết, phát triển như: tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), giữa tỉnh với các địa phương trong nước, giữa các huyện, thành phố; hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội; hạ tầng kỹ thuật tại bốn (04) trung tâm động lực phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh.

+ Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai, cấp nước, thoát nước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Hoàn thành các chương trình, dự án theo đúng tiến độ đã đề ra nhằm sớm phát huy hiệu quả của vốn đầu tư công.

- Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn ngoài vốn đầu tư công:

+ Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư gồm: Hệ thống cảng cạn (IDC), hạ tầng logistics; hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; công nghiệp chế biến, chế tạo ứng dụng công nghệ cao; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; cấp nước sạch; thương mại, các loại hình dịch vụ, du lịch dựa trên tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển; xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực phúc lợi xã hội khác.

- Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích đất sử dụng, hướng tuyến, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của dự án sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án.

b) Nguồn lực triển khai thực hiện

Triển khai thực hiện các giải pháp huy động vốn đầu tư trong Quy hoạch tỉnh; triển khai hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 5 năm, hàng năm; đẩy mạnh hợp tác công tư, khơi thông, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

Thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân là 9,72% trong cả thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030, tỉnh Cao Bằng huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 160.200 tỷ đồng, cụ thể:

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021 - 2030	
	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
Tổng cộng	63.800 tỷ đồng	96.400 tỷ đồng
Nguồn vốn đầu tư công	18.555 tỷ đồng (29,1%)	19.000 tỷ đồng (19,7%)
Nguồn vốn ngoài đầu tư công	44.745 tỷ đồng (70,1%)	76.800 tỷ đồng (79,7%)
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	500 tỷ đồng (0,8%)	600 tỷ đồng (0,6%)

c) Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

Chủ động hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển của địa phương và phối hợp với các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong vùng Trung du và miền

núi phía Bắc xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách của vùng và những đề án trọng tâm, trọng điểm tạo đột phá cho phát triển tỉnh, vùng và ngành (cả nước).

(Danh mục cơ chế, chính sách, chương trình, đề án phát triển tỉnh và liên kết vùng tại Phụ lục III kèm theo)

3. Kế hoạch sử dụng đất

Định hướng và kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022.

Phương án kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) của tỉnh Cao Bằng đã tổ chức lập theo quy định của pháp luật đất đai năm 2013 đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tuân thủ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và đến năm 2025 phân bổ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng để làm công tác quản lý đất đai tại địa phương, rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030, lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Tiếp tục rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển, hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ thực hiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch. Rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Cao Bằng bảo đảm thông nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Nghiên cứu, ban hành các đề án, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển đi kèm với các chính sách ưu đãi để tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tư nhân tìm kiếm cơ hội kinh doanh và tham gia đầu tư. Khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách đầu tư - kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

c) Ban hành kịp thời, đồng bộ, thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội, gắn với tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo hài hòa với phát triển kinh tế trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Nghiên cứu, triển khai chương trình hỗ trợ nguồn lực cho khu vực kinh tế tư nhân, trong đó hỗ trợ cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư tiềm năng, mang

lại lợi ích kinh tế cho địa phương. Đẩy mạnh hỗ trợ, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển. Tăng cường và tổ chức hội nghị đối thoại giữa doanh nghiệp và các cấp chính quyền.

b) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh để tạo môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn, thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp, thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước. Đổi mới, nâng cao hiệu quả, đa dạng hóa các hình thức và áp dụng công nghệ số vào công tác xúc tiến đầu tư, tạo làn sóng thu hút đầu tư có chất lượng vào các ngành, lĩnh vực thế mạnh của tỉnh. Kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là thủ tục hành chính trong công tác thẩm định, cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn các nhà đầu tư đến Cao Bằng tìm hiểu cơ hội và đầu tư tại tỉnh; thường xuyên rà soát, kiểm tra và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án chậm triển khai, các dự án hoạt động không hiệu quả.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Cải thiện, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục và đội ngũ giáo viên, học sinh. Đảm bảo tỷ lệ chi cho giáo dục trong tổng chi ngân sách nhà nước phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó ưu tiên cho những địa bàn đặc biệt khó khăn. Thực hiện có hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp bậc Trung học cơ sở theo hướng khuyến khích học sinh tham gia học nghề để điều chỉnh quan hệ cung - cầu phù hợp với thực tế thị trường lao động, tránh gia tăng tỷ lệ thất nghiệp hoặc làm việc không đúng chuyên ngành, chuyên môn đào tạo.

b) Phát triển thị trường lao động của tỉnh theo hướng phát triển lao động trong các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, đặc biệt là ngành du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến, chế tạo. Xây dựng hệ thống mạng lưới thông tin thị trường lao động, phát triển sàn giao dịch việc làm nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà tuyển dụng, nhà đầu tư và các cơ sở đào tạo nghề để đảm bảo kết nối hiệu quả quan hệ cung - cầu lao động phù hợp trong từng thời kỳ.

c) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số. Tăng cường đổi mới và thực hiện đồng bộ công tác cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hệ thống chính trị và phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành trong thực thi công vụ.

d) Có chính sách hỗ trợ đào tạo doanh nhân, các chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Kết hợp với các cơ sở đào tạo nghề thực hiện chương trình, hình thức đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp tiệm cận tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

4. Phát triển khoa học và công nghệ

a) Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế của địa phương theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm, hàng hóa có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

b) Khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ, thúc đẩy nhanh việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ số, công nghệ AI vào sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện của tỉnh để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

c) Hỗ trợ, triển khai nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ, thực hiện chuyển đổi số trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Khuyến khích chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường khoa học công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ mới. Khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học công nghệ

5. Về bảo đảm an sinh xã hội

a) Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; quan tâm đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Triển khai các chương trình xóa đói, giảm nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

b) Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn với các trung tâm kinh tế của tỉnh. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

c) Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhằm giúp cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo và thoát nghèo bền vững. Hoàn chỉnh và hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế tuyến dưới, đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

d) Đẩy mạnh công tác dân tộc, tôn giáo; kịp thời phổ biến các luật và văn bản dưới luật để điều hành, chỉ đạo, tổ chức, hỗ trợ các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng theo hiến chương, điều lệ của giáo hội và thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam. Quản lý hoạt động của các tôn giáo, tạo điều kiện cho giới chức và tín đồ có hoạt động tôn giáo thông thường nhưng vẫn bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật

6. Về bảo vệ môi trường

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư

b) Xây dựng quy chế quản lý chất thải, ô nhiễm, tính đúng các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề; tổ chức thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường, đánh giá giám sát các dự án, cơ sở hoạt động đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường của phân vùng môi trường

c) Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng. Thực hiện có hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học, tổ chức rà soát định kỳ để kịp thời điều chỉnh để bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

d) Ưu tiên triển khai quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị mới có áp dụng các kỹ thuật hiện đại nhằm hướng tới phát triển các đô thị sinh thái (tuần hoàn năng lượng, chất thải, bảo vệ duy trì cảnh quan môi trường tự nhiên, tiêu dùng năng lượng tiết kiệm và năng lượng tái tạo) hoặc chỉnh trang đô thị với quy mô lớn theo định hướng sinh thái hóa, bền vững hóa các hoạt động kinh tế - xã hội và môi trường trong các đô thị.

đ) Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm, bảo đảm phù hợp, thống nhất với kế hoạch tài chính 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; tăng cường phân cấp quản lý đầu tư, tạo sự thông thoáng, nâng cao trách nhiệm và phát huy tính chủ động của các địa phương trong quản lý đầu tư công.

b) Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; ưu tiên hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các dự án trọng điểm của các địa phương có tính chất lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

c) Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán chi ngân sách theo hướng khoán chi, đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn

vị gắn với chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công và tinh giản biên chế.

d) Thực hiện hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách, nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu bền vững, giảm tỷ trọng thu từ sử dụng đất, tăng tỷ trọng thu từ sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu; khuyến khích mở rộng các loại hình dịch vụ tài chính (*kiểm toán, bảo hiểm, cho thuê tài chính, tư vấn tài chính...*) phục vụ nhu cầu của thị trường, nhằm tăng thu ngân sách bền vững. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

đ) Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế. Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các công ty lâm nghiệp, gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh Cao Bằng chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để trở thành điểm nóng về an ninh trật tự, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chú trọng công tác đảm bảo an ninh trật tự, an ninh tuyến biên giới đất liền; tăng cường công tác quản lý xuất nhập cảnh, quản lý người nước ngoài và chủ động phòng ngừa, quyết liệt đấu tranh với các loại tội phạm xuyên biên giới.

b) Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò của hệ thống chính trị địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động của cơ quan quân sự các cấp. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở cập nhật Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09/5/2024; Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 15/QĐ-TTg ngày 20/02/2024; rà soát, cập nhật và triển khai thực hiện Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30/5/20223 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Cao Bằng theo đúng kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 430/TB-VPCP ngày 23/10/2023.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng hoạt

động của lực lượng công an ở các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, cơ chế, chính sách, giải pháp, bố trí nguồn lực, thu hút đầu tư phát triển thực hiện Quy hoạch tỉnh, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch; điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương theo quy định hiện hành.

Chủ trì báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ hoặc đột xuất theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, địa bàn quản lý nhà nước, chủ động nghiên cứu, đề xuất các kế hoạch, cơ chế, chính sách, giải pháp để thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã đề ra tại Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

3. Nguyên tắc triển khai thực hiện các dự án trong thời kỳ quy hoạch

Tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các chương trình, dự án tại Phụ lục II (*nếu có*).

Đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (*nếu có*) chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định./.

Phụ lục I**DANH MỤC CÁC QUY HOẠCH CẤP TỈNH THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ;
BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG VÀ CỦA TỈNH HẾT HIỆU LỰC***(Kèm theo Quyết định số 160 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

STT	Tên quy hoạch	Số Quyết định phê duyệt	Ghi chú
I	QUY HOẠCH CẤP TỈNH THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA UBND TỈNH		
1	Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2011- 2020	Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Cao Bằng	
2	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Cao Bằng	
3	Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Cao Bằng giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030	Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng	
4	Quy hoạch khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Cao Bằng đến năm 2020	Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của UBND tỉnh Cao Bằng	
5	Quy hoạch chi tiết lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110 kV của Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035	Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng.	
6	Quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh Cao Bằng đến năm 2020	Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Cao Bằng	
7	Quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Cao Bằng	Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh Quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Cao Bằng	
8	Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2013 - 2020	Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2013 - 2020	
9	Quy hoạch thủy lợi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030	Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt “Quy hoạch thủy lợi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030”	
10	Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Cao Bằng đến 2030	Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng	

STT	Tên quy hoạch	Số Quyết định phê duyệt	Ghi chú
11	Quy hoạch xây dựng vùng Phía Bắc – Phía Đông, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2013 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.	Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh Cao Bằng	
12	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm VLXD tỉnh Cao Bằng đến năm 2020	Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 30/12/2010 của UBND tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 29/4/2011 của UBND tỉnh Cao Bằng	
13	Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025	Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của UBND tỉnh Cao Bằng	
14	Quy hoạch phát triển CCN trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025	Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của UBND tỉnh Cao Bằng	
II QUY HOẠCH CẤP TỈNH THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ; BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG (*)			
1	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Cao Bằng	Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) tỉnh Cao Bằng	
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Cao Bằng	Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 17/5/2028 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Cao Bằng	
3	Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035 – Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV	Quyết định số 1920/QĐ-BCT ngày 18/5/2016 của Bộ Công Thương.	

(*): Có văn bản riêng báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hết hiệu lực

Phụ lục I

**DANH MỤC QUY HOẠCH CẤP TỈNH THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ,
NGÀNH TRUNG ƯƠNG HẾT HIỆU LỰC**

Ghi chú: Có văn bản riêng báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hết hiệu lực

STT	Tên quy hoạch	Số Quyết định phê duyệt	Ghi chú
1	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Cao Bằng	Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) tỉnh Cao Bằng	
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Cao Bằng	Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 17/5/2028 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Cao Bằng	
3	Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035 – Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV	Quyết định số 1920/QĐ-BCT ngày 18/5/2016 của Bộ Công Thương.	

Phụ lục II**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN***(Kèm theo Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

TT	Các chương trình dự án	Địa điểm (dự kiến)	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn ưu tiên đầu tư		Ghi chú
				2021 -2025	2026 - 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài NSNN	
I	Hạ tầng giao thông vận tải							
1	Dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)	Lạng Sơn, Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng; UBND tỉnh Lạng Sơn	x	x	x	x	
2	Cao tốc Bắc Kạn – Cao Bằng	Bắc Kạn, Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng; UBND tỉnh Bắc Kạn		x	x	x	Danh mục dự án thuộc Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 phê duyệt QH mạng lưới giao thông quốc gia
3	Đầu tư xây dựng sân bay Cao Bằng	Cao Bằng	Bộ Giao thông vận tải; UBND tỉnh Cao Bằng		x	x	x	
4	Đầu tư xây dựng Quốc lộ 3C, quy mô cấp IV	Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng	Bộ GTVT/ UBND các tỉnh		x	x		Danh mục dự án thuộc Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 phê duyệt QH mạng lưới giao thông quốc gia
5	Nâng cấp QL.34 (Hà Giang – Cao Bằng), Quy mô cấp IV	Hà Giang – Cao Bằng	Bộ GTVT/UBND tỉnh		x	x		Danh mục dự án thuộc Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 phê duyệt QH mạng lưới giao thông quốc gia
6	Nâng cấp Đường Hồ Chí Minh, Quy mô cấp III	Cao Bằng	Bộ GTVT/UBND tỉnh		x	x		Danh mục dự án thuộc Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 phê duyệt QH mạng lưới giao thông quốc gia
7	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205	huyện Quảng Hòa	UBND tỉnh Cao Bằng	x		x		
8	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4A đoạn từ huyện Hà Quảng nối với đường Cao tốc Lạng Sơn - Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
9	Đường giao thông Đồn biên phòng Cốc Pàng (155) ra các mốc 520 đến 534	huyện Bảo Lạc	UBND tỉnh Cao Bằng	x		x		
10	Cải tạo nâng cấp đường giao thông Chu Trinh (thành phố Cao Bằng) - Hồng Nam (huyện Hoà An), tỉnh Cao Bằng	Huyện Hòa An, Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x		x		

TT	Các chương trình dự án	Địa điểm (dự kiến)	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn ưu tiên đầu tư		Ghi chú
				2021 -2025	2026 - 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài NSNN	
11	Cầu và đường nối QL34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Huyện Bảo Lâm	UBND tỉnh Cao Bằng	x		x		
12	Cải tạo, nâng cấp ĐT.204 (đoạn qua Thị trấn Thông Nông – xã Cấn Yên), huyện Hà Quảng	Huyện Hà Quảng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
13	Cải tạo, nâng cấp ĐT.201 (Nguyễn Huệ - Hồng Việt - Nà Bao - Phan Thanh)	Huyện Hòa An; Huyện Nguyên Bình	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
14	Nâng cấp ĐT.202 (Ca Thành - Pác Lũng - Phan Thanh - Bảo Lạc - Cô Ba - Mốc 589)	Huyện Nguyên Bình; Huyện Bảo Lạc	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
15	Cải tạo, nâng cấp ĐT.203	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
16	Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (bao gồm đoạn Mỏ Sắt - Quý Quân - Xuân Hòa)	Huyện Hà Quảng	UBND tỉnh Cao Bằng	x		x		
17	Cải tạo, nâng cấp ĐT.204 (Năm Thoong - Thông Nông - Cấn Yên)	Huyện Hà Quảng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
18	Cải tạo, nâng cấp ĐT.206 (Quảng Uyên - Trùng Khánh - Bản Giốc - Bằng Ca; đoạn tránh TT. Quảng Uyên; đoạn tránh Thác Bản Giốc)	Huyện Quảng Hòa; Huyện Trùng Khánh	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
19	Cải tạo, nâng cấp ĐT.207	Huyện Quảng Hòa; Huyện Hạ Lang	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
20	Cải tạo, nâng cấp ĐT.207A	Huyện Hạ Lang	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
21	Đường tỉnh 208, từ thị trấn Đông Khê (huyện Thạch An) - xã Cách Linh, xã Triệu Ấu (huyện Phục Hòa) - xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (huyện Hạ Lang) - xã Chí Viễn (huyện Trùng Khánh)	Huyện Thạch An; Huyện Phục Hòa; Huyện Hạ Lang; Huyện Trùng Khánh	UBND tỉnh Cao Bằng	x		x		
22	Nâng cấp ĐT.209	Huyện Thạch An	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
23	Cải tạo, nâng cấp ĐT. 209A	Huyện Thạch An	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
24	Đường tỉnh 210 (Đức Long - Tà Lùng - Hắt Pát - Cô Ngân - Thị Hoa - Thống Nhất - Quang Long - Lý Quốc - Minh Long)	Các huyện: Thạch An, Quảng Hòa, Hạ Lang	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
25	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 212 (Ngã 3 Pác Bó - Nà Bân)	Huyện Hà Quảng; Huyện Nguyên Bình	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
26	Cải tạo, nâng ĐT.213 (Trùng Khánh - Pò Peo)	Huyện Trùng Khánh	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
27	Cải tạo, nâng ĐT.214 (Nà Giàng - Quang Hán)	Huyện Hà Quảng; Huyện Trùng Khánh	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
28	Nâng cấp ĐT.215	Huyện Bảo Lạc	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
29	Nâng cấp đoạn Yên Thổ - Công Bằng thành ĐT. 215	Huyện Bảo Lâm	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
30	Nâng cấp ĐT.215A	Huyện Bảo Lạc	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
31	Cải tạo, nâng cấp ĐT.216	Huyện Hòa An; Huyện Nguyên Bình	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
32	Cải tạo, nâng cấp ĐT.217	Huyện Bảo Lạc	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
33	Cải tạo, nâng cấp ĐT.218	Huyện Nguyên Bình	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
34	Cải tạo, nâng cấp ĐT.219	Huyện Thạch An	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		

TT	Các chương trình dự án	Địa điểm (dự kiến)	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn ưu tiên đầu tư		Ghi chú
				2021 -2025	2026 - 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài NSNN	
35	Cải tạo, nâng cấp ĐT.220	Huyện Bảo Lâm	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
36	Đường nội thị Bảo Lạc (QL 34 cũ)	Huyện Bảo Lạc	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
37	Đường nối QL.4A - cửa khẩu Nà Lạn xã Đức Long	Huyện Thạch An	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
38	Đường thuộc Khu kinh tế cửa khẩu	các cửa khẩu	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
39	Đường QL34 - đập Rán Đầy (Thủy điện Nà Ngàn), xã Vũ Minh (huyện Nguyên Bình), xã Trương Lương (Huyện Hòa An)	Huyện Nguyên Bình; Huyện Hòa An	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
40	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL34 - UBND xã Kim Cúc - Khau Sáng - UBND xã Vĩnh Quang - QL34	Các huyện: Bảo Lạc, Bảo Lâm	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
41	Đường QL34 - TL 217	Huyện Bảo Lạc	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
42	Đường giao thông tỉnh lộ 212 - Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn)	Huyện Nguyên Bình	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
43	Đường giao thông Cốc Đán - Ngân Sơn (tỉnh Bắc Kạn) - Thành Công - Khu rừng Trần Hưng Đạo	Huyện Nguyên Bình	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
44	Đường từ Quốc lộ 4A đến Đồn BP Quang Long, huyện Hạ Lang	Huyện Hạ Lang	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
45	Đường nối từ Duyệt Trung (TP. Cao Bằng) đến xã Quang Trung (H. Hòa An)	Tp Cao Bằng, huyện Hòa An	UBND tỉnh/Sở/UBND huyện		x	x		
46	Tuyến kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng)		UBND tỉnh/Sở/UBND huyện		Hoàn thành đầu tư	x		
II	Lĩnh vực dịch vụ							
II.1	Thương mại, Logistic, kinh tế cửa khẩu							
1	Dự án cảng cạn ICD khu trung chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu nông sản tại khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh	Huyện Trùng Khánh	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các cửa khẩu: Sóc Giang, Lý Vạn, Tà Lùng, Trà Lĩnh, Pò Peo	Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
3	Trung tâm Logistics (bưu chính, vận tải hàng hóa...)	Thành phố Cao Bằng và các huyện	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
4	Trung tâm thương mại, kho bãi và khu du lịch Lý Vạn				x	x		
5	Trung tâm hội chợ triển lãm	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
6	Trung tâm kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
II.2	Du lịch							
1	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất tại khu du lịch trọng điểm của tỉnh: Khu du lịch Thác Bản Giốc - động Ngườm Ngao; Khu di tích Quốc gia đặc biệt Chiến thắng Biên giới 1950; Khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó và khu di tích Quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo; Khu du lịch Hồ Thang Hen; động Giộc Đầu, Khu di tích lịch sử chiến thắng Đông Khê; Khu du lịch Phia - Đén	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng;		x	x		
2	Dự án phát triển dịch vụ vui chơi, giải trí khu vực ven sông Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	

TT	Các chương trình dự án	Địa điểm (dự kiến)	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn ưu tiên đầu tư		Ghi chú
				2021 -2025	2026 - 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài NSNN	
3	Khu Du lịch sinh thái Suối Cùn	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
4	Khu du lịch Hòa An	Huyện Hòa An	UBND tỉnh		x		x	
III	Lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu							
1	Dự án nâng cấp, sửa chữa hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
2	Dự án xây mới các công trình hạ tầng thủy lợi trên các hồ: Khuổi Dáng, Khuổi Nám, Khuổi Vàng, Pác Thặng, Khuổi Khoang, Khưa Khọn, Nà Vị, Nà Quảng, Rằng Vị và cụm hồ Khuổi Sliêm, hồ phân lũ, hồ chứa nước Nà Chi - Bản Vạn	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
3	Dự án xây đập dâng nước, kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ dân cư	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
4	Xây dựng các công trình cấp, trữ nước vùng Lục Khu và các xã vùng cao tỉnh Cao Bằng	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
IV	Văn hóa, thể thao							
IV.1	Văn hóa							
1	Tu bổ, tôn tạo, nâng cấp Khu di tích Quốc gia đặc biệt di tích lịch sử địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950				x	x		
2	Trùng tu, tôn tạo các di tích gốc đầu nguồn Pác Bó thuộc khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó			x	x	x		
3	Tu bổ, nâng cấp khu lưu niệm đồng chí Hoàng Đình Giọng	thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x		x		
4	Bảo tàng tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x		x		
IV.2	Thể thao							
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x	x	
V	Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp							
1	Đầu tư xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ sinh học công nghệ cao	huyện Hòa An	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
2	Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực Phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cao Bằng	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x	x	
3	Dự án vùng trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
4	Dự án đầu tư trang trại chăn nuôi lợn	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
5	Dự án đầu tư chăn nuôi trâu, bò thịt	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
VI	Lĩnh vực Giáo dục: Giáo dục đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp							
1	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x		x		
2	Xây dựng mới Trường THPT Chuyên tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		

TT	Các chương trình dự án	Địa điểm (dự kiến)	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn ưu tiên đầu tư		Ghi chú
				2021 -2025	2026 - 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài NSNN	
3	Dự án cải tạo, sửa chữa, xây mới, mua sắm thiết bị phục vụ đào tạo tại cơ sở I - Trường Trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x		x		
4	Dự án Xây dựng mới tại cơ sở II trường Trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
5	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng nghề tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
VII	Lĩnh vực Y tế							
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các Bệnh viện đa khoa, Bệnh viện trực thuộc Sở Y tế	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
1.1	Bệnh viện đa khoa Y dược - Phục hồi chức năng				x	x		
1.2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng			x	x	x		
1.3	Bệnh viện Lão khoa tỉnh Cao Bằng				x	x		
1.4	Bệnh viện Truyền nhiễm tỉnh Cao Bằng				x	x		
1.5	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng				x	x		
1.6	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm				x	x		
1.7	Bệnh viện đa khoa Hà Quảng				x	x		
1.8	Bệnh viện đa khoa Trùng Khánh				x	x		
1.9	Bệnh viện đa khoa Quảng Hòa				x	x		
1.10	Bệnh viện Tinh Túc (cơ sở 1)				x	x		
1.11	Bệnh viện Tinh Túc (cơ sở 2)				x	x		
2	Mở rộng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị các trung tâm y tế tuyến huyện	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
VIII	Lĩnh vực Lao động- bảo trợ xã hội							
1	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
2	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cao Bằng (có thêm chức năng điều trị, chăm sóc đối tượng tâm thần)	Thành phố Cao Bằng/huyện Hòa An	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
4	Trung tâm dịch vụ việc làm Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
5	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
6	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật huyện Hòa An	Huyện Hòa An	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
7	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật huyện Bảo Lạc	Huyện Bảo Lạc	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
8	Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật huyện Quảng Hòa	Huyện Quảng Hòa	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
IX	Lĩnh vực Công nghiệp							
IX.1	Chế biến, chế tạo, Khu công nghiệp							
1	Xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm từ cây Thạch Đen	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
2	Dự án nhà máy sắt xộp và phối thép	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
3	Khu liên hợp gang thép Cao Bằng	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x		x	

TT	Các chương trình dự án	Địa điểm (dự kiến)	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn ưu tiên đầu tư		Ghi chú
				2021 -2025	2026 - 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài NSNN	
4	Nhà máy sản xuất Dioxit Mangan điện giải và Ferromangan	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
5	Nhà máy chế biến chì, kẽm	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
6	Dự án hạ tầng Khu công nghiệp Chu Trinh	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
7	Nhà máy chiết xuất tinh dầu quế	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
8	Nhà máy chế biến dược liệu, khu trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
9	Nhà máy sản xuất phôi tre ép công nghiệp và các sản phẩm từ tre	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
10	Nhà máy chế biến các sản phẩm từ nông, lâm nghiệp	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
IX.2	Thủy điện, Điện gió							
1	Dự án thủy điện Mỹ Hưng	Huyện Quảng Hòa			x		x	
2	Dự án thủy điện Mai Long							
3	Dự án thủy điện Thành Công 1	Huyện Nguyên Bình			x		x	
4	Dự án thủy điện Bán Chiếu	Huyện Nguyên Bình			x		x	
X	Lĩnh vực môi trường							
1	Nhà máy cấp nước sạch	huyện Trùng Khánh	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
2	Dự án hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
3	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng công trình cấp nước sạch	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
4	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải	thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
5	Khu xử lý rác thải tập trung	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
6	Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
7	Các trạm quan trắc môi trường nước và không khí tự động	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
XI	Lĩnh vực Khoa học công nghệ							
1	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng	thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
2	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu, bảo tồn quỹ gen tỉnh Cao Bằng	thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
3	Xây dựng Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường tỉnh Cao Bằng	thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
4	Đầu tư Xây dựng cơ sở dữ liệu và Hệ thống thông tin khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng	thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
5	Đầu tư xây dựng sản giao dịch công nghệ và trung tâm chuyển giao công nghệ tỉnh Cao Bằng	thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
6	Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Cao Bằng	thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x	x		
XII	Lĩnh vực Bru chính, Thông tin - Truyền thông							
1	Chuyên đổi, chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu các cơ quan nhà nước	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
2	Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn liên tỉnh (bao gồm cả tuyến dự phòng): Cao Bằng - Lạng Sơn; Cao Bằng - Hà Giang; Cao Bằng - Bắc Kạn	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x	x	

TT	Các chương trình dự án	Địa điểm (dự kiến)	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ thực hiện		Nguồn vốn ưu tiên đầu tư		Ghi chú
				2021 -2025	2026 - 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài NSNN	
3	Xây dựng Trung tâm logistics bưu chính (01 trung tâm bưu chính cấp tỉnh và 05 trung tâm bưu chính cấp huyện)	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x			
4	Phát triển hạ tầng mạng 5G	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng		x		x	
XIII	Hạ tầng đô thị, nông thôn, khu dân cư và ổn định dân cư							
1	Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
2	Dự án Bố trí ổn định dân cư tại chỗ vùng thiên tai, vùng biên giới và vùng đặc biệt khó khăn	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
3	Dự án đầu tư xây dựng các Khu tái định cư	Tỉnh Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
4	Phát triển hạ tầng Khu đô thị tại thành phố Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x		x	
5	Phát triển hạ tầng Khu đô thị tại huyện Hòa An	Huyện Hòa An	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x		x	
6	Phát triển hạ tầng Khu đô thị tại huyện Quảng Hòa	Huyện Quảng Hòa	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x		x	
7	Phát triển hạ tầng Khu đô thị tại huyện Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh	UBND tỉnh Cao Bằng	x	x		x	
XIV	Lĩnh vực an ninh, quốc phòng							
1	Đường giao thông Đồn biên phòng Cốc Pàng (155) ra các mốc 520 đến 534	Huyện Bảo Lạc	UBND tỉnh Cao Bằng	x		x		
2	Đường giao thông đồn Biên phòng Cản Yên - xã Cản Nông (mốc 614)	Huyện Hà Quảng	UBND tỉnh Cao Bằng	x		x		
3	Bốt kiểm soát, hàng rào tuần tra biên giới, hàng rào ranh giới; đường cầu tuần tra biên giới trong Khu du lịch Thác Bản Giốc	Tỉnh Cao Bằng	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
4	Chương trình nâng cao hiệu quả hoạt động của các đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy	Tỉnh Cao Bằng	Bộ Công an; UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		
5	Trụ sở làm việc Công an các cấp (tỉnh, huyện, xã/phường/thị trấn) trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Cao Bằng	Bộ Công an; UBND tỉnh Cao Bằng	x	x	x		

Ghi chú:

1. Trong quá trình nghiên cứu triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.
2. Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư, thực hiện phê duyệt và triển khai đầu tư bảo đảm phù hợp các quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tiễn, khả năng huy động, bố trí các nguồn lực và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
3. Các dự án, công trình được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

Phụ lục III
CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN TỈNH VÀ LIÊN KẾT VÙNG
(Kèm theo Quyết định số 160 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Nhiệm vụ	Thời gian xây dựng	Cấp có thẩm quyền ban hành
A	Cơ chế, chính sách		
I	Tỉnh đề xuất		
1	Đề án "Cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Khu du lịch thác Bản Giốc"	2024	Thủ tướng Chính phủ
II	Tỉnh ban hành		
1	Đề án "Phát triển thương mại tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030"	2024	UBND tỉnh Cao Bằng